

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2019

*“V/v tranh chấp về hôn nhân gia
đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài
sản khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thanh;

2. Ông Lê Văn Vững;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 17 tháng 7 và ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị U**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh **Võ Văn N**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

*(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa,
còn bị đơn vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị U trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh N tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2005 và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/10/2006. Chị U và anh N chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 6 năm đầu nhưng thời gian sau thì thường xuyên phát sinh

mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng về quan điểm sống làm cho cuộc sống vợ chồng không còn được hạnh phúc. Nay chị U nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị U yêu cầu xin được ly hôn với anh Võ Văn N.

- Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Kim Kh, sinh ngày 24/8/2006 và Võ Trần Khánh T, sinh ngày 30/8/2017. Hiện con chung đang sống cùng chị U và anh N. Theo đơn khởi kiện và tại phiên hòa giải thì chị U trình bày là khi ly hôn con chung tên Võ Thị Kim K có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên Võ Trần Khánh T thì chị Út yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị U thay đổi yêu cầu là khi ly hôn chị U yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu N cấp dưỡng nuôi hai con.

Hiện nay chị làm nghề may đồ và bán vải tại chợ Láng Biển, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Theo đơn khởi kiện và tại phiên hòa giải thì chị Út trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị U xác định lại về quan hệ nợ thì vợ chồng chị không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Ngoài ra, chị U không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại biên bản hòa giải, bị đơn anh Võ Văn N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị U. Anh, chị tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2005 và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/10/2006. Về mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ly hôn thì anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị U. Thời gian đầu anh N và chị U chung sống với nhau hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về chuyện tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị U.

- Về quan hệ nuôi con: Anh N thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị U vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Kim K, sinh ngày 24/8/2006 và Võ Trần Khánh T, sinh ngày 30/8/2017. Hiện con chung đang sống cùng chị U và anh N. Khi ly hôn về con chung Võ Thị Kim K có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con, riêng con chung tên Võ Trần Khánh T thì anh Nhựt yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, hàng ngày anh N đi giao đồ câu, lưới, vón và nuôi cá tra bột nên thu nhập trung bình mỗi tháng từ 9.000.000 đồng – 10.000.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Tại phiên hòa giải thì anh N trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh N không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

1. Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
2. Giấy khai sinh con chung (bản sao);
3. Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo);
4. Tờ tự khai con chung.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 11/6/2019.

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Tài liệu, chứng cứ; Về quan hệ hôn nhân; Về quan hệ tài sản và về quan hệ nợ.

** Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Về quan hệ nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị U về việc yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn N, ngoài ra các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 4, xã L, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Theo quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Trần Quốc Tỷ và ông Đào Văn Hiến. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Tỷ và ông Hiến bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa được thay thế bằng ông Lê Văn Vững và ông Mai Văn Thanh là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất việc thay đổi này và không yêu cầu thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh N tự tìm hiểu và yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2005 và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/10/2006. Quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị U và anh N chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 6 năm đầu nhưng thời

gian sau thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng về quan điểm sống làm cho cuộc sống vợ chồng không còn được hạnh phúc. Nay chị U nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị U yêu cầu xin được ly hôn với anh Võ Văn N. Anh N thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị U và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị U.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống chị U và anh N có 02 con chung tên Võ Thị Kim K, sinh ngày 24/8/2006 và Võ Trần Khánh T, sinh ngày 30/8/2017. Hiện các con đang sống chung với chị U và anh N.

+ Đối với con chung tên Võ Thị Kim K khi ly hôn thì chị U yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Nhứt cấp dưỡng nuôi con và anh N thống nhất đồng ý giao con chung tên Kh cho chị U nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị U không có yêu cầu. Đồng thời, thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của con chung tên K. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

+ Đối với con chung tên Võ Trần Khánh T khi ly hôn thì chị U yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, còn anh N thì yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, con chung tên T tính đến nay vẫn còn dưới 36 tháng tuổi và khi ly hôn giữa chị U và anh N không có thỏa thuận được với nhau việc nuôi con chung. Đồng thời, bản thân chị U không thuộc trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, căn cứ theo khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "...3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.". Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của chị U là có căn cứ nên chấp nhận.

Chị U và anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị U và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, chị U xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì chị U không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho

yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U về việc yêu cầu được ly hôn với anh N.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị U phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị U và anh Võ Văn N. Chị Trần Thị U và anh Võ Văn N thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ nuôi con: Chị U được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Thị Kim K, sinh ngày 24/8/2006 và Võ Trần Khánh T, sinh ngày 30/8/2017. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung do chị U không có yêu cầu.

Chị U và anh N có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục con chung không bên nào được quyền ngăn cấm.

Chị U cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Chị U và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Chị U phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị U đã nộp theo biên lai số 0007681 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Chị U đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Jet).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Minh Phường